

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày 02/5/2024
V/v “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giang Phước Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lâm Lệ Oanh.
- Bà Trần Thị An.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 68/2024/TLST-HNGĐ ngày 03/4/2024 về việc “Xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp R, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang;

2. *Bị đơn:* Ông Đặng Trí C, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tổ N, khu phố M, phường T, thành phố H, Kiên Giang.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 3 năm 2024 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc B trình bày: Bà và ông Đặng Trí C chung sống vào năm 1999, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống lúc đầu có hạnh phúc, sau này phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông bà cố gắng hàn gắn nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng kéo dài, nên không thể chung sống cùng nhau, bà và ông C đã không còn chung sống khoảng 20 năm nay. Hiện nay không thể hàn gắn để đoàn tụ về chung sống với nhau và nhận thấy tình cảm vợ chồng

không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với ông Đặng Trí C.

Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có hai con chung tên Đặng Thị Ngọc H, giới tính nữ, sinh năm 2000 (đã trưởng thành), Đặng Trí T, giới tính nam, sinh năm 2002 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Đặng Trí C có đơn xin vắng mặt, tại bản tự khai ngày 10/4/2024, ông C trình bày: Ông thống nhất với đơn khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Ngọc B. Do quá trình chung sống giữa ông và bà B có bất đồng quan điểm và nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống hằng ngày nên bà B làm đơn khởi kiện ly hôn với ông, nay ý kiến ông là chấp nhận ly hôn với bà Nguyễn Ngọc B, tài sản chung và nợ chung không có. Về con chung: có 02 con chung tên Đặng Thị Ngọc H, sinh năm 2000 (đã trưởng thành), Đặng Trí T, sinh năm 2002 (đã trưởng thành).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn. Trong vụ án này bị đơn ông Đặng Trí C cư trú tại Khu phố M, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc B, bị đơn ông Đặng Trí C có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung: Bà Nguyễn Ngọc B và ông Đặng Trí C chung sống với nhau đến năm 2002 mới tiến hành đăng ký kết hôn và được UBND xã B, huyện P (nay là thành phố P), tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31/10/2002. Như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà B, ông C đều xác nhận quan hệ hôn nhân của ông bà đã rạn nứt, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, hiện nay không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không muốn quay về đoàn tụ. Xét thấy hôn nhân của bà B, ông C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, quá trình thụ lý giải quyết bà B vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện là xin

ly hôn với ông C; Tại bản tự khai ngày 10/4/2024 ông C cũng thống nhất ly hôn nhưng ông C có đơn xin vắng mặt, nên áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nghị cần chấp nhận cho bà B được ly hôn với ông C.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có hai con chung tên Đặng Thị Ngọc H, giới tính nữ, sinh ngày 19/9/2000, Đặng Trí T, giới tính nam, sinh ngày 14/12/2002, hiện các con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà B, ông C trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà B khởi kiện nên phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Ngọc B được ly hôn với ông Đặng Trí C.

- Con chung: Đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Tài sản chung và nợ chung: Bà B, ông C trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc B phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí mà bà B đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí số 0001919 ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H, nay bà B không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS Tp H;
- UBND xã B, Tp P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giang Phước Thành